

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI NGŨ HÀNH SƠN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI NGŨ HÀNH SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 4700290598

3. Ngày thành lập: 25/05/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Bản Diều, Xã Ngọc Phái, Huyện Chợ Đồn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

Điện thoại: 0368937555

Fax:

Email: vanquocbaothongbank.tc@gmail.com Website: l.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy (Điều 41 Nghị định 136/2020/NĐ-CP) - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4610
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ buôn bán động vật bị cấm)	4620
6.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
7.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
8.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
9.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Trừ các mặt hàng nhà nước cấm)	4652
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ kinh doanh trang thiết bị y tế)	4659
12.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

14.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ tổ chức hợp báo)	8230
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh)	8299
16.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Loại trừ các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính, bao gồm giao dịch thẻ tín dụng. Hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp, các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng)	6619(Chính)
17.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản 2014, sửa đổi bổ sung bởi k khoản 2 Điều 75 Luật đầu tư 2020)	6810
18.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản; - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật về bất động sản) (Điều 62, 74, 75,69 Luật kinh doanh bất động sản 2014)	6820

19.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc - Giám sát thi công xây dựng cơ bản - Giám sát, tư vấn giám sát thi công xây dựng (Điểm d khoản 4 điều 89; điều 96 nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Dịch vụ đấu thầu (Điều 4 Luật đấu thầu 2013) - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng bao gồm: + Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng công nghiệp + Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông; + + Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. + Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. (Điểm c khoản 4 điều 89; điều 93 Nghị định 15/2021/CD-CP) - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng. (Điều 92 Nghị định 15/2021/CD-CP) - Khảo sát xây dựng (Điểm a Khoản 4 Điều 89; Điều 91 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Dịch vụ điều tra, đo đạc và lập bản đồ (Điều 52 Luật đo đạc và bản đồ năm 2018) - Dịch vụ lập quy hoạch xây dựng (Điểm b Khoản 4 Điều 89 Nghị định 15/2021/CD-CP) - Dịch vụ tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng (Điểm d khoản 4 Điều 89; điều 94 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) (Điều 4 Luật đấu thầu 2013) - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng (Điều 98 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Kiểm định xây dựng (Điều 97 Nghị định 15/2021 NĐ-CP) - Tư vấn thiết kế công trình điện và tư vấn giám sát thi công công trình điện (Khoản 6 Điều 3 Nghị định 17/2020/CD-CP)	7110
20.	Quảng cáo Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
21.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410

22.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Đánh giá tác động môi trường - Tư vấn, cung cấp thông tin về môi trường (Điều 30, Khoản 3 Điều 144 Luật bảo vệ môi trường 2020) - Điều tra, đánh giá đất đai; cải tạo đất - Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng; - Hoạt động xây dựng hệ thống thông tin đất đai - Tư vấn xác định giá đất (Khoản 3 điều 5 Nghị định 43/2014/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung khoản 5, 6 Điều 1 nghị định 01/2017/CD-CP và khoản 1,2 Điều 1 Nghị định 136/2018/NĐ-CP) - Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Điều 5b Nghị định 136/2018/NĐ-CP)	7490
23.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các mặt hàng nhà nước cấm)	4690
24.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
25.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
26.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
27.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
28.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Kinh doanh di vật, di cổ (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định Luật đấu giá tài sản) (Điều 25 Nghị định 98/2010/CD-CP)	4774
29.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
30.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Loại trừ hoạt động của đấu giá viên)	4789
31.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
32.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định 10/2020/CD-CP)	4933
33.	Xây dựng nhà để ở	4101
34.	Xây dựng nhà không để ở	4102
35.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
36.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
37.	Xây dựng công trình điện	4221
38.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222

39.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
40.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
41.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
42.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
43.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
44.	Phá dỡ (Loại trừ nổ mìn)	4311
45.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
46.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
47.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
48.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồng hồ và đồ trang sức; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác; - Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại;	4773
49.	Doanh nghiệp chỉ kinh doanh ngành, nghề kinh doanh nhà nước cho phép, đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN TÂN	10/2 Lý Quốc Bảo, Phường Nhị Châu, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000. 000	500.000.000.00 0	50,000	0300710044 57	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000. 000	500.000.000.00 0	50,000		
2	GIÁ QUANG MẠC	Thôn Bản Diều, Xã Ngọc Phái, Huyện Chợ Đồn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	12.000. 000	120.000.000.00 0	12,000	0060440028 64	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	12.000. 000	120.000.000.00 0	12,000		

3	VĂN HỒNG QUÂN	Thôn Nà Vâu, Xã Thanh Mai, Huyện Chợ mới, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000.0 00	30.000.000.000	3,000	0060510036 57
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	3.000.0 00	30.000.000.000	3,000	
4	LA VĂN THANH	TDP Độc Mầu, Thị trấn Đu, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000.0 00	50.000.000.000	5,000	0190650057 89
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	5.000.0 00	50.000.000.000	5,000	
5	PHẠM NHƯ THANH	Số 8, Phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000.0 00	50.000.000.000	5,000	0370680009 93
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	5.000.0 00	50.000.000.000	5,000	

6	TRỊNH XUÂN LÂN	Tổ 8, Phường Tân Thịnh, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000.000	30.000.000.000	3,000	019043002344
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	3.000.000	30.000.000.000	3,000	
7	TRẦN VĂN QUANG	Tổ 2, Thị trấn Bằng Lũng, Huyện Chợ Đồn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000.000	30.000.000.000	3,000	036076021346
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	3.000.000	30.000.000.000	3,000	
8	LÝ THẾ VƯƠNG	Tổ 5, Phường Phùng Chí Kiên, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000.000	30.000.000.000	3,000	006093006716
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	3.000.000	30.000.000.000	3,000	

9	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	Tổ 6, Phường Tứ Liên, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000.0 00	50.000.000.000	5,000	0260660019 98	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	5.000.0 00	50.000.000.000	5,000		
10	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	Tổ 3, Phường Thịnh Đán, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000.0 00	50.000.000.000	5,000	0190780129 68	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	5.000.0 00	50.000.000.000	5,000		
11	NGUYỄN VĂN THÀNH	Tổ 2, Phường Đồng Quang, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000.0 00	30.000.000.000	3,000	0190490002 53	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.000.0 00	30.000.000.000	3,000		

12	BÙI VĂN DUNG	Xóm Sáng Trong, Xã Đú Sáng, Huyện Kim Bôi, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000.000	30.000.000.000	3,000	017057005423
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	3.000.000	30.000.000.000	3,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LA VĂN THANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/03/1965

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 019065005789

Ngày cấp: 12/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: TDP Độc Mẫu, Thị Trấn Đu, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: TDP Độc Mẫu, Thị Trấn Đu, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Kạn